TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-PT
Ngày 07/3/2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Lệ Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 29/2017/TLPT-DS ngày 01/12/2017 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-PT ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần D, sinh năm: 1925; nơi cư trú: thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: hưu trí (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cùng tham gia tố tụng với nguyên đơn: ông Trần Văn C; sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Đào Văn L, sinh năm: 1932; nơi cư trú: thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (đã chết)

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đào Văn L:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1931; nghề nghiệp: làm ruộng (vắng mặt)

2. Ông Đào Quang H, sinh năm: 1966; nghề nghiệp: làm ruộng (vắng mặt)

3. Bà Đào Thị T, sinh năm: 1968; nghề nghiệp: làm ruộng (vắng mặt)

4. Bà Đào Thị T1, sinh năm: 1971; nghề nghiệp: làm ruộng (vắng mặt)

5. Bà Đào Thị B; sinh năm: 1973; nghề nghiệp: buôn bán (vắng mặt)

Đều trú tại: thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Thanh H - Cán bộ tư pháp xã (vắng mặt)

2. Ông Hồ Xuân D; sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ dân phố V, Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)

3. Ông Trần Văn S; sinh năm 1930; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (đã chết năm 2014)

4. Bà Sử Thị X; sinh năm 1935; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (bà X đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S) (vắng mặt)

5. Bà Đào Thị Thanh V; sinh năm 1945; nơi cư trú: thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Trần D trình bày: Năm 1991 ông có mua của ông Trần Văn S (là con rể ông Hồ H) một ngôi nhà hai gian tọa lạc trên diện tích 201m^2 đất tại thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Ngôi nhà và đất có nguồn gốc được Nhà nước cấp cho ông Hồ H vào năm 1954 sau khi thu hồi của ông Trần T (địa chủ). Ông Hồ H sử dụng đến năm 1988 thì cho vợ chồng con gái là Sử Thị X (con riêng của vợ) và Trần Văn S ở đến năm 1991. Ngày 05/02/1991 vợ chồng ông S và bà X đã bán lại ngôi nhà và đất ở cho ông D với giá 200.000 đồng. Đến năm 1993 ông D tháo dỡ ngôi nhà đó chuyển đi nơi khác, còn lại thửa đất vườn ông D để trống không sử dụng. Theo đề nghị của con rể ông D là anh Lê T (đã chết) ông D tạm thời cho vợ chồng ông Đào Văn L bà Nguyễn

Thị N mượn thửa đất trên để tăng gia sản xuất. Năm 1991, ông Đào Văn C (là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) đã cấp một phần diện tích đất trên cho ông Đào Văn L làm vườn và một phần cấp cho bà Đào Thị Thanh V làm ngõ đi. Gia đình ông L và bà N đã tự ý xây nhà rèn, chuồng bò trên phần đất ông D cho mượn. Còn ngõ đi hiện nay bà Đào Thị Thanh V đang sử dụng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2015, ông Trần D yêu cầu ông Đào Văn L trả lại 221m^2 đất đã lấn chiếm.

Sau khi ông Đào Văn L chết, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do chưa có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L. Ngày 16/5/2017, ông Trần D tiếp tục gửi đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lại 201m^2 đất có tứ cận phía Tây giáp đường ông Đào L 14,5m; phía Đông giáp đường ra vào của bà V 16,5m; phía Bắc giáp đường bà Đào Thị V 13m; phía Nam giáp vườn bà H 13m. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định tại chỗ xác định phần đất ông L và bà V đang sử dụng có diện tích 241,6m^2; ông Trần D có yêu cầu bà V, bà N (và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L) liên đới trả lại cho ông 241,6m^2 đất đã lấn chiếm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án theo các văn bản ghi lời khai của ông Đào Văn L (nay đã chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông đã trình bày:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì diện tích ông Trần D đang khởi kiện trước đây là đất của ông Hồ H, khi gia đình ông H chuyển vào miền nam sinh sống thì thửa đất này hoang hóa, các con ông cũng đã đi sinh sống ở nơi khác mà không quản lý sử dụng. Năm 1991 ông L làm đơn xin UBND xã cấp đất để làm đất vườn, thời điểm đó không có nhà cửa, cây cối, tài sản trên đất.Trong quá trình sử dụng, gia đình ông L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và quản lý sử dụng từ năm 1991 cho đến nay.

Đại diện UBND xã Y, ông Lê Thanh H thừa nhận: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông Trần T, bị quy là địa chủ, bị nhà nước thu hồi chia thành 8 phần cho các hộ dân và cán bộ tập kết ra Bắc. Còn việc nhà nước thu hồi đất của ông Trần T với diện tích bao nhiêu m^2 thì Ủy ban nhân dân xã Y không biết, nhưng nhà nước thu hồi của ông Trần T 05 gian nhà dọc và 03 gian nhà ngang.Phần tài sản của ông Trần T sau khi bị nhà nước thu hồi đã được chia một phần cho ông Hồ H (về phía Đông của gian nhà ngang)

Trước năm 1991, thửa đất này hoang hóa, vắng chủ vì ông Hồ H đã vào sinh sống tại Lâm Đồng, các con ông cũng đã đi sinh sống ở nơi khác, có người thì đã chết. Trên thửa đất đó, thời điểm xã cấp đất cho ông L không có nhà cửa, diện tích đất cấp là 201,5m^2.Trong quá trình sử dụng, gia đình ông L luôn thực

hiện nghiêm túc về quyền và nghĩa vụ tài chính trên thửa đất đó theo quy định của pháp luật. Gia đình ông L quản lý sử dụng từ năm 1991 cho đến năm 2008 thì ông Trần D khởi kiện yêu cầu UBND xã giải quyết buộc gia đình ông L trả lại thửa đất đó. Việc UBND xã cấp đất cho ông L là trái thẩm quyền, tuy nhiên ông D không có căn cứ chứng minh thửa đất trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông nên ông khởi kiện đòi lại thửa đất là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân D thừa nhận: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trước đây là của bố mẹ ông được Nhà nước thu hồi của địa chủ chia cho. Trên đất có căn nhà hai gian, nhà lim xây tường lợp ngói. Vào khoảng năm 1986, bố mẹ ông vào huyện L, tỉnh Lâm Đồng để làm kinh tế. Trước khi đi, đã giao lại toàn bộ diện tích đất 230m^2 và ngôi nhà gỗ cho vợ chồng con gái là Sử Thị X và Trần Văn S (là con riêng của bà C) quản lý và sử dụng. Còn việc ông Trần Văn S và ông Trần D mua bán và chuyển nhượng đất và nhà như thế nào thì ông không biết, ông khẳng định trong các văn bản ông D cung cấp cho Tòa án, ông chỉ ký xác nhận vào một biên bản có nội dung là chỉ bán nhà trên đất, còn đất là của hợp tác xã Đ (cũ) thì không được bán vì đất đó do xã Y quản lý, ngoài ra ông không ký vào bất kỳ một văn bản nào khác. Ông khẳng định ông không ký tên mình vào Giấy mua bán nhà và đất ở lập ngày 05/02/1991 do ông Trần D xuất trình cho Tòa án. Nay ông Trần D khởi kiện ông Đào Văn L ông không có liên quan và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sử Thị X, ông Trần Văn S (nay đã chết) đã trình bày:*

Năm 1987, vợ chồng ông được bố mẹ và các em nhượng lại căn nhà và được toàn quyền sử dụng. Năm 1988 vì hoàn cảnh gia đình ông vào Đà Lạt sinh sống cùng các con nên gia đình ông đã nhượng lại căn nhà cho ông Trần D với giá 200.000 đồng. Ngoài ra không có liên quan gì đến việc bán đất. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 06/9/2012 của UBND xã Y ông Trần Văn S lại xác nhận: Ngôi nhà hai gian xây tường lợp ngói tọa lạc trên diện tích đất khoảng 230m^2 là tài sản của gia đình ông. Vào khoảng tháng 2/1991 ông bán nhà và đất cho ông Trần D với giá 200.000 đồng. Khi bán nhà và đất hai bên chưa viết giấy mua bán, mãi đến sau này mới viết giấy mua bán. Ông cũng khẳng định chữ ký của ông, bà Sử Thị X, ông Hồ Xuân D trong Giấy mua bán nhà là thật.

** Bà Đào Thị Thanh V trình bày:*

Năm 1988 bà làm đơn xin Ủy ban nhân dân xã Y cấp đất, đến năm 1989 được Ủy ban nhân dân xã Y đồng ý cấp 501m^2 đất, bao gồm cả phần diện tích

đất ngõ, đất của bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn về nguồn gốc phần diện tích đất ngõ hiện bà đang sử dụng là của ai thì bà không biết vì thời điểm trước năm 1988 bà không ở đây. Ngõ ra vào hiện nay bà đang sử dụng là có từ trước, trong quá trình sử dụng bà có cơi nới thêm và đổ bê tông diện tích khoảng 45m^2, quá trình sử dụng ngõ không xảy ra tranh chấp. Nay ông Trần D yêu cầu bà trả lại phần diện tích đất ngõ bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần D về việc buộc những người thừa kế của ông Đào Văn L (gồm các ông bà Nguyễn Thị N, Đào Quang H, Đào Thị T, Đào Thị T1, Đào Thị B) và bà Đào Thị Thanh V trả lại diện tích 241,6m^2 đất vườn tại thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng tình với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần D kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án số 05/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ (Đơn kháng cáo không ghi ngày tháng năm)

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đại diện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa và đương sự đã đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Đ xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định bị đơn ông Đào Văn L là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ông L chết,

Tòa án đã thực hiện việc đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất vào kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L theo quy định tại Điều 74 BLTTDS. Tuy nhiên, sau khi ông L chết, Tòa án nhân dân huyện Đ tạm đình chỉ giải quyết vụ án, ngày 16/5/2017 ông Trần D tiếp tục gửi đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lại 201m^2 đất (có tứ cận) (bút lục số 119). Như vậy, khi giải quyết lại vụ án, đáng lẽ Tòa án sơ thẩm phải xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị N là đồng bị đơn với ông Đào Văn L. Tuy nhiên, quyền và lợi ích hợp pháp của bà N đã được đảm bảo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xác định quyền sử dụng đất của ông Trần D.

Ông D cho rằngông có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 241,6m^2 đất (theo kết quả thẩm định) mà hiện tại hộ gia đình ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị N và gia đình bà Đào Thị Thanh V đang sử dụng với căn cứ là "Giấy bán nhà" lập ngày 05/02/1991 giữa ông và ông Trần Văn S.

Xét giấy bán nhà đề ngày 05/02/1991 thấy rằng: Nội dung văn bản thể hiện ông Sỹ bán cho ông D *"ngôi nhà và đất vườn ở"*, giá chuyển nhượng là 200.000đ nhưngkhông thể hiện cụ thể diện tích, ranh giới vườn như thế nào. Như vậy, đây là sự thỏa thuận của ông D và ông S chưa qua xác nhận của chính quyền địa phương, tuy nhiên nội dung cam kết đã vi phạm điều cấm vì giao dịch này thuộc trường hợp xác lập trong giai đoạn từ ngày 01/7/1980 đến trước ngày 15/10/1993.Theo điểm b khoản 2.2 Điều 2 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 quy định: *Pháp luật thời kỳ này nghiêm cấm việc mua, bán phát canh thu tô chuyển nhượng đất đai dưới mọi hình thức.do đó, khi có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Toà án giải quyết như sau:Nếu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được thực hiện thì Toà án công nhận hợp đồng trong các trường hợp sau đây: (1) Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;(2) Trường hợp đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Uỷ ban nhân dân có thẩm quyền, Uỷ ban nhân dân đã cho phép việc chuyển nhượng; (3) Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, đầu tư sản xuất, kinh doanh không vi phạm qui định về quy hoạch và bên chuyển nhượng cũng không phản đối khi bên nhận chuyển quyền sử dụng đất xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, đầu tư sản xuất, kinh doanh trên đất đó.*

Lời khai của ông S lại không thống nhất (biên bản xác minh ngày 06/9/2012 của UBND xã Y (BL số 41-42) và đơn xác nhận ngày 16-3-2009 (BL số 23).

Trong khi đó bản đồ 299 không thể hiện thửa đất đang tranh chấp là của ông Hồ H mà chỉ thể hiện thửa đất số 1125 diện tích 430m^2 và trên sổ 05 lập theo Nghị định 65/CP không có tên chủ sử dụng đất là ai.

Như vậy, từ trước đến nay ông D chưa được Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, đầu tư sản xuất, kinh doanh đối với thửa đất đang tranh chấp.

Do đó, giấy bán nhà giữa ông S và ông D đối với phần đất đang tranh chấp không được công nhận, không có hiệu lực pháp luật nên cũng không có cơ sở khẳng định quyền sử dụng đất của ông Trần D đối với diện tích đất 241,6m^2 đang tranh chấp.

[3] Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị N và phần diện tích ngõ của bà Đào Thị Thanh V nằm trên phần diện tích nguyên đơn khởi kiện: Mặc dù cấp sơ thẩm có nhận định tuy nhiên bị đơn, những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Giá trị tài sản trên đất: Hiện tại trên đất đang tranh chấp có các loại tài sản gồm: 01 chuồng bò xung quanh xây gạch chỉ,01 gian nhà tạm làm lò rèn lợp ngói pia rô, 01 chuồng gà xây gạch tạp lô, 23,5m bờ rào xây gạch tạp lô (cả phần móng); 4,8m khung lưới B40, 01 cánh cổng, 01 cánh cửa sắt; 01 bụi tre có khoảng 100 cây. Các loại tài sản nêu trên do hộ ông L tạo lập và thuộc quyền sở hữu của hộ ông L nên những người thừa kế của ông L được quyền sử hữu, HĐXX không xem xét giải quyết việc bồi thường tài sản trên đất.

[5] Về án phí: ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần D. Giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần D về việc buộc bà Nguyễn Thị N và những người thừa kế của ông Đào Văn L (gồm các ông bà Đào Quang H, Đào Thị T, Đào Thị T1, Đào Thị B) và bà Đào Thị Thanh V trả lại diện tích 241,6m^2 đất vườn tại thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần D. Trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo Biên lai thu tiền số 003733 ngày 01 tháng 6 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, THA sơ thẩm;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền